

Quyền độc lập, tự do và quyền con người - tư tưởng cốt lõi trong tuyên ngôn độc lập và giá trị đối với tiến trình Cách mạng Việt Nam

NGUYỄN DANH TIÊN*

Bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc ngày 2/9/1945 không chỉ khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, mà còn có ý nghĩa thời đại sâu sắc. Bởi lẽ, tư tưởng về quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi người dân gắn với quyền bình đẳng thiêng liêng giữa các dân tộc; tinh thần và ý chí đấu tranh bảo vệ nền độc lập và xây dựng cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc cho mỗi người dân.

QUYỀN ĐỘC LẬP TỰ DO VÀ QUYỀN CON NGƯỜI - TƯ TƯỞNG CỐT LÕI CỦA TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Tuyên ngôn Độc lập là văn bản đầu tiên khẳng định về lý luận và thực tế quyền con người, quyền tự do, bình đẳng dân tộc của Nhân dân Việt Nam, vừa mang tính pháp lý vừa có giá trị lịch sử và hiện thực. Viện dẫn giá trị nhân quyền trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc”¹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền năm 1791 của nước Pháp: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”², Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định một chân lý mới có ý nghĩa thời đại: “Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”³. Với *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh đã tuyên bố với toàn thế giới về quyền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, toàn vẹn lãnh thổ và quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt Nam. Trong đó, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ vừa là tiền đề, vừa là điều kiện tiên quyết của chế độ dân chủ, cho việc xác lập và bảo vệ quyền con người.

Tuyên ngôn Độc lập không chỉ là tuyên bố về sự ra đời của một quốc gia có chủ quyền mà còn là tuyên ngôn nhân quyền của Nhà nước Việt Nam, trong đó thừa nhận các quyền cơ bản của con người; đồng thời, lần đầu tiên, quyền cá nhân được mở rộng thành quyền dân tộc và quyền con người; sự bình đẳng của mỗi cá nhân được xem xét trong mối quan hệ biện chứng với quyền dân tộc, đó là quyền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, toàn vẹn lãnh thổ và quyền dân tộc tự quyết. Cũng như nhiều cuộc cách mạng khác trên thế giới, Cách mạng tháng Tám năm 1945, coi quyền con người là quyền tự nhiên, vốn có của con người. Độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ vừa là tiền đề, vừa là điều kiện tiên quyết của chế độ dân chủ, tạo tiền đề cho việc xác lập và bảo vệ quyền con người. Quyền tự quyết của các dân tộc phản ánh nguyện vọng được sống trong độc lập, tự do và công bằng, bình đẳng của không chỉ dân tộc Việt Nam, mà còn là ý chí, nguyện vọng của mọi dân tộc bị áp bức, bóc lột trên thế giới. Đó là nguyện vọng cháy bỏng hơn bất cứ yêu cầu nào khác. Nó là điều kiện tiên quyết cho mọi quyền tự do, dân chủ của con người.

* PGS, TS., Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.1.

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.1.

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, tr. 3.

Việc nâng quyền con người thành quyền tự do, bình đẳng giữa các dân tộc là một sáng tạo thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể hiện tâm huyết của Người đối với dân tộc Việt Nam và các dân tộc trên thế giới. Đề cập đến đóng góp của Hồ Chí Minh trong việc phát triển sáng tạo quyền con người của nhân loại ở thế kỷ XX, nhà nghiên cứu Nhật Bản Shingo Shibata đã nhận xét: “Cống hiến nổi tiếng của Cụ Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy, tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình”⁴.

Sự phát triển tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền con người, quyền dân tộc bắt nguồn sâu xa từ truyền thống nhân đạo và tinh thần yêu nước của dân tộc; đồng thời, kế thừa, phát triển tinh hoa tư tưởng nhân loại, trực tiếp là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, xem quyền con người là sự thống nhất biện chứng giữa “quyền tự nhiên” và “quyền xã hội”; gắn liền với cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, gắn với trình độ phát triển và tiến bộ xã hội trong từng thời kỳ lịch sử của nhân loại.

Cũng như Cách mạng tháng Mười Nga (1917), thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam khẳng định quyền của mỗi người, của mỗi dân tộc, trước hết là quyền về sự chủ động và khả năng làm chủ của mỗi người dân; trong đó, nhân dân có quyền lựa chọn về con đường đi của bản thân và của dân tộc mình. Đó là con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng vô sản gắn lợi ích của bản thân, của giai cấp với lợi ích của toàn dân tộc. Cách mạng vô sản là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để. Cuộc cách mạng đó không chỉ giải phóng giai cấp, mà còn là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội. Chỉ có đi theo con đường đó, thì quyền làm chủ của mỗi người cũng như của cả dân tộc mới được bảo đảm. Bởi, sự thành công của cuộc cách mạng sẽ đem lại “quyền cho dân chúng số nhiều” và “dân chúng được hưởng hạnh phúc tự do, bình đẳng thật sự...”.

Trên bình diện quốc tế, phải đến thập kỷ 60 của thế kỷ XX, các văn kiện cơ bản về quyền con người của Liên hợp

quốc mới thừa nhận quyền dân tộc tự quyết là một quyền con người. Điều 1, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 ghi nhận: “Tất cả các dân tộc đều có quyền dân tộc tự quyết”⁵. Tại Hội nghị nhân quyền thế giới ở Viên (Áo) năm 1993, cộng đồng quốc tế một lần nữa khẳng định: Tất cả các dân tộc đều có quyền dân tộc tự quyết... Việc khước từ quyền dân tộc tự quyết là sự vi phạm nhân quyền. Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhận thức rất sớm về mối quan hệ giữa quyền con người với quyền độc lập, tự do, bình đẳng dân tộc.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam là bằng chứng hùng hồn chứng tỏ, quyền con người, quyền tự do, bình đẳng dân tộc là thành quả của cuộc đấu tranh cách mạng đầy hy sinh, gian khổ của hàng chục triệu người Việt Nam. Vì thế, “Độc lập và tự do” đã trở thành giá trị sống thiêng liêng, là mục tiêu xuyên suốt chiều dài lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ việc khẳng định các giá trị của một dân tộc là quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền sung sướng và quyền tự do, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, quyền con người chỉ thực sự được bảo đảm khi gắn liền với quyền độc lập, tự do của dân tộc.

GIÁ TRỊ CỦA TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP VỀ QUYỀN ĐỘC LẬP TỰ DO VÀ QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Thực tiễn Cách mạng Việt Nam hơn 76 năm qua là quá trình thực hiện và bảo đảm quyền độc lập dân tộc và quyền con người. Nhận thức sâu sắc về quyền độc lập, tự do của dân tộc và thẩm nhuần tư tưởng của Tuyên ngôn độc lập về quyền con người, cũng như chỉ dẫn “đầu tiên là công việc đối với con người”, chăm lo cho con người trong bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 76 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã kiên trì đấu tranh bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám năm 1945, tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quán triệt sâu sắc quyền độc lập tự do và trách nhiệm phải bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc trong *Tuyên ngôn Độc lập*, với quyết tâm: “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁶ và tinh thần: “Tổ quốc trên hết”, “Dân tộc trên hết”, toàn thể dân tộc Việt Nam đã anh dũng chiến đấu đánh bại các chiến lược quân sự của kẻ thù, lập nên chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc được giải phóng, nhân dân ta bước vào thời kỳ cách mạng mới, cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ chiến

⁴ Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới, Nxb Sự thật, H. 1979, tr. 96.

⁵ Quyền con người - các văn kiện quan trọng, Nxb Viện Thông tin Khoa học xã hội, H.1998, tr. 218.

⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 6, tr. 579.

lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Trong đó, nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thực hiện nhiệm vụ cao cả này, nhân dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến thần thánh đầy khó khăn, gian khổ nhưng với quyết tâm: “Nước Việt Nam ta nhất định phải thống nhất. Đồng bào Nam và Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”⁷ và với niềm tin sắt đá “... dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa song nhất định thắng lợi hoàn toàn”, dân tộc Việt Nam một lần nữa đứng lên đánh đuổi đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. “Không có gì quý hơn độc lập tự do” - chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra trở thành lẽ sống, phương châm hành động của các thế hệ người Việt Nam. Nhờ vậy, đã khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước “triệu người như một” sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, với tinh thần: “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”, “Tất cả vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước”. Sự đồng lòng của cả dân tộc đã làm nên thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi đó đã làm cho quyền sống của dân tộc và quyền sống của mỗi người dân càng gắn bó hữu cơ hơn, vững bền hơn.

Có thể nói, trong quá trình lãnh đạo toàn dân tộc tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh coi mục tiêu đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, tự do của đồng bào là lẽ sống của mình. Quyền độc lập dân tộc không tách rời quyền con người và độc lập là điều kiện tiên quyết để đem lại hạnh phúc cho mỗi người dân. Đồng thời, độc lập dân tộc còn là điều kiện để dân tộc Việt Nam được quyền sống bình đẳng với các dân tộc khác trên thế giới và các dân tộc trong nước được chung sống bên nhau một cách bình đẳng, hòa thuận và cùng nhau đi tới cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Sau khi giành được độc lập dân tộc, phải đưa đất nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Bước vào thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975-1986) mặc dù chiến tranh đã đi qua, song hậu quả để lại vô cùng nặng nề; đồng thời, nhân dân Việt Nam tiếp tục phải đương đầu với kẻ thù xâm lược. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta vừa tập trung khôi phục kinh tế - xã hội, vừa chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đồng thời, tiến hành đổi mới từng phần, bước đầu đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, từng bước hình thành đường lối đổi mới.

Trong thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay), tuy đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế song Đảng xác định “bảo vệ độc lập dân tộc” là vấn đề chiến lược, quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (năm 2016) của Đảng xác định những vấn đề cơ bản về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới là: “Kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời Tổ quốc; đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước. Giải quyết những bất đồng, tranh chấp bằng giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế”⁸. Đó là ý chí thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức để bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Trong bối cảnh phức tạp hiện nay, chúng ta càng phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bởi độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt của cách mạng Việt Nam, là con đường duy nhất đúng mà Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn. Trong mối quan hệ biện chứng đó, độc lập dân tộc là mục tiêu, tiền đề và là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội, không có độc lập dân tộc thì không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội; còn xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm tăng cường nguồn lực vật chất - kỹ thuật ngày càng dồi dào hơn, tạo cơ sở, nền tảng vững chắc để giữ vững độc lập dân tộc. Thực tế cũng chứng minh, chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới giải phóng triệt để giai cấp vô sản và nhân dân lao động khỏi áp bức bóc lột, bất công, mới đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân và bảo đảm dân tộc thực sự có độc lập, đưa nhân dân lao động trở thành người làm chủ xã hội, làm chủ đất nước, làm chủ chính bản thân mình.

Sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nhờ kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Việt Nam đã giành được những thành tựu quan trọng:

⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 10, tr. 359-360.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.148.

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chính thức thoát khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển. Tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt từ 6,5%-7%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Đến năm 2020, thu nhập bình quân trên đầu người đạt khoảng 3.500 USD, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt hơn 385 tỷ USD.

Thực hiện quyền con người trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Đảng đặc biệt chú trọng chăm lo phát triển con người. Quan điểm cốt lõi của Đảng về chính sách xã hội là: Chính sách xã hội vì con người, lấy con người là trung tâm, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mục tiêu xây dựng và thực hiện chính sách xã hội là xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, tiến bộ, văn minh, trong đó, nhân dân được hưởng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (01/2016), lần thứ XIII (01/2021) tiếp tục nhấn mạnh những quan điểm về thực hiện chính sách xã hội: Tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao mức sống của người có công. Rà soát, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội. Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nhất là các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh xã hội của người dân. Thực hiện tốt chính sách việc làm, bảo hiểm thất nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội.

Sự quan tâm của Đảng và toàn xã hội đã góp phần tạo ra sự chuyển biến tích cực trong phát triển con người. Văn hóa - xã hội có sự chuyển biến tích cực, với những thành tựu quan trọng, đặc biệt là chỉ số phát triển con người (HDI). Đến năm 2020, tỷ lệ người lớn biết chữ đạt trên 95%, tuổi thọ trung bình của người dân đạt gần 73,7 tuổi, tỷ lệ nghèo dưới 3%. Đời

sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên một bước, không khí dân chủ trong xã hội từng bước được phát huy... Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an ninh lương thực, an sinh xã hội, thực hiện tốt các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hợp quốc (MDGs). Theo Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam đã hoàn thành khoảng 90% các chỉ tiêu MDGs.

Bên cạnh đó, quyền con người, quyền tự do, bình đẳng dân tộc đã đạt được những thành tựu quan trọng. Quyền dân tộc tự quyết được thực hiện trong thực tiễn, Việt Nam hiện là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực (WTO, APEC, ASEAN); người dân tự quyết định xu hướng chính trị của mình và tham gia vào các quyết sách của đất nước theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; các quyền bầu cử, ứng cử, quyền tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được bảo đảm; các dân tộc bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Việt Nam đã và đang ngày càng chủ động và tham gia tích cực tại Liên hợp quốc về quyền con người, đảm nhiệm vai trò thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014-2016 và 2020-2022; tham gia vào quá trình xây dựng Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN, Ủy ban liên chính phủ ASEAN về quyền con người, đóng góp tích cực trong các Ủy ban ASEAN về phụ nữ và trẻ em, về lao động di cư...

Ở trong nước, quyền con người đã được thực thi, được hiến định. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền con người, quyền công dân được triển khai xuyên suốt, đồng bộ thông qua các chương trình xây dựng luật, pháp luật của Quốc hội. Trong quá trình xây dựng và sửa đổi Hiến pháp, quyền con người và quyền công dân luôn là một vấn đề căn cốt của các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013. Trong Hiến pháp năm 2013, lần đầu tiên các quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân đã được Quy định trong Chương II. Tiếp đó, thể chế hóa Hiến pháp năm 2013, Quốc hội cũng đã sửa đổi và xây dựng nhiều luật trên cơ sở bảo đảm quyền con người gắn với bảo vệ chế độ xã hội, như: Bộ luật Hình sự (2015), Luật Báo chí (2016), Luật Tiếp cận thông tin (2016)... Đặc biệt, mục tiêu tổng quát về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” chính là quá trình hiện thực hóa “quyền sung sướng”, “quyền tự do, hạnh phúc” như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong *Tuyên ngôn Độc lập*, phù hợp luật pháp quốc tế về quyền con người. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng xuất bản Hồ Chí Minh toàn tập lần thứ ba (2011). *Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, tập 6, tập 10*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
2. Văn phòng Trung ương Đảng (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật
3. Văn phòng Trung ương Đảng (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật